

Họ và Tên: _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Nhà #2

Bài Số 11 – CH

I. Em hãy tập đánh vần và viết mỗi chữ sau đây 3 lần, sau đó học thuộc lòng nghĩa tiếng Anh. [Practice spelling, then write each word 3 times on the spaces given and memorize the English meaning of the words.]

1. Chà – scrape, to crush



2. Chả giò - eggroll



3- Che – to put the cover on



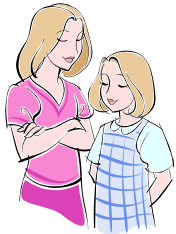
4- Chè – Sweetened porridge



5- **Che chở** - to protect



6- **Chị** - older sister



7- **Chỉ** - to point at



8- **Cho** – to give



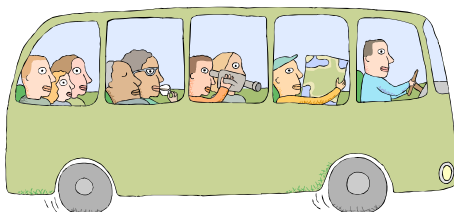
9- **Chó** – a dog



10- **Chợ** - market



11- Chở - to transport; to carry



12- Chủ - owner; boss



13- Chú – uncle

14- Chữ - word

II. Tập đọc những câu sau đây.

Practice reading the following sentences

1. Em chà chân lên cỏ. [I scrape my feet on the lawn]
2. Em thích ăn chả giò [I like to eat eggroll]

3. Bà che dù cho em [My grandma cover me up with an umbrella]
4. Em thích ăn chè 3 màu [I like to eat the 3 colors sweetened porridge]
5. Trẻ em được người lớn che chở [The children are protected by adults]
6. Chị Chi thích đọc sách [Sister Chi like to read books]
7. Em chỉ con mèo [I point at the cat]
8. Bà cho em quà [My grandma gives me a present]
9. Em có một con chó nhỏ [I have a little dog]
10. Mẹ em đi chợ [My mom goes to the supermarket]
11. Ba chở em đi học [My dad takes me to school]
12. Ông chủ nhà tên Bob [The house's owner named Bob]
13. Chú là em của ba [Uncle is dad's brother]
14. Em tập viết chữ và số [I practice writing letters and numbers]

**** Tuần tới sẽ có thi kiểm tra, xin phụ huynh giúp các em học bài và làm bài cho đầy đủ. [Please help your kid with homework. There will be quiz next week]**

Phụ Huynh Ký Tên _____
(Parents' signature)